TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2019/DS-PT
Ngày: 27/3/2019
V/v Tranh chấp thừa kế
về tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai
Các Thẩm phán: 1. Ông Lưu Ngọc Thạch
2. Ông Trịnh Đắc Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 710/2017/TLPT-DS ngày 11/12/2017 về việc "Tranh chấp thừa kế về tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 555/2017/DS-ST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 971/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị Trúc M, sinh năm: 1981
2. Ông Võ Hoàng I, sinh năm: 1979
3. Bà Võ Thị Trúc A, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Số 26 đường Q, tổ E, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, bà M và ông I: Ông Man Đức V, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 153 đường C, phường S, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1945

Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Võ Văn O, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964.

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1966.

3. Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm: 1989.

Cùng trú tại: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, ông U: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm: 1957.

5. Bà Võ Thị R, sinh năm: 1934.

6. Ông Võ Văn S, sinh năm: 1970 (chết, không có vợ con)

7. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1972.

8. Ông Võ Tấn C, sinh năm: 1978.

9. Ông Võ Thanh H, sinh năm: 1989.

10. Ông Võ Thanh Đ, sinh năm: 1991.

11. Ông Võ Hồng K, sinh năm: 1985.

12. Bà Võ Thị Thảo Y, sinh năm: 1993.

Bà I, bà R, bà X, ông C, ông H, ông Đ, ông K, bà Y cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Võ Thị Thanh Kiều, sinh năm: 1980

14. Bà Võ Thị Thắm, sinh năm: 1983.

Bà Kiều và ông Thắm cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà I, bà R, bà X, ông C, ông H, ông Đ, ông K, bà Y, bà Kiều, bà Thắm: Ông Võ Văn O, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

15. Bà Võ Thị S, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Số 26 đường Q, tổ E, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị S: Ông Man Đức V, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 153 đường CN 11, phường S, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính: Tỉnh lộ B, khu phố 7, thị trấn J, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thành N, sinh năm: 1957

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2009 trong quá trình xét xử nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Trúc A trình bày:

Nguyên ông Nội của các nguyên đơn là ông Võ Văn P và bà nội là Trần Thị V có 6 người con gồm: bà Võ Thị R, bà Võ Thị P (chết), bà Võ Thị L (chết), ông Võ Văn C (chết), bà Võ Thị Y, và ông Võ Văn O. Sinh thời, ông Nội có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất tổng diện tích là 15,656.20m^2. Sau khi ông Nội chết thì một số diện tích do bà Võ Thị Y và ông Võ Văn O kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần diện tích chưa đứng tên thì do ông O và bà Y đang quản lý sử dụng có nhà cửa trên đất. Ông Võ Văn C đã chết có con là bà Võ Thị Trúc A, bà Võ Thị Trúc M, ông Võ Hoàng I.

Tại buổi hòa giải cơ sở ngày 25/02/2009 ở trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, ông O thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Nội có chia cho cha các nguyên đơn nhưng ông O tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông O. Ông O đồng ý trả lại cho các nguyên đơn với điều kiện là các nguyên đơn và bà Võ Thị Y đồng ý. Còn bà Y cũng thừa nhận phần đất tranh chấp là ông Nội chia cho cha mẹ các nguyên đơn nhưng các nguyên đơn phải chấp nhận lấy năm gò đậu (khoảng ½ diện tích miếng đất vườn mà ông Nội chia cho cha của các nguyên đơn) thì bà Y với ông O mới đồng ý trả lại cho các nguyên đơn nên không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung.

Nay bà yêu cầu buộc ông Võ Văn O và bà Võ Thị Y chia tài sản chung của ông Nội Võ Văn P để lại ra 4 phần cho Bà Võ Thị Y, ông Võ Văn O, Võ Thị R, và ông Võ Văn C (đã chết có các con Võ Thị Trúc M, Võ Thị Trúc A và Võ Hoàng I) mỗi người được hưởng 01 phần như sau: phần đất diện tích 1.110m^2 tại thửa 833, diện tích 845m^2 tại thửa 876, cùng thuộc tờ bản đồ số 5 do bà Võ Thị Y đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0962 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/5/1999; Diện tích 5.822m^2 tại thửa 521, tờ bản đồ số 5 do ông Võ Văn O đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1200 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/5/2000; Riêng diện tích 2.206m^2 tại thửa 520 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông O, bà Y sử dụng và xây dựng nhà, công trình trên đất. Đất tọa lạc tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Võ Văn O trình bày:

Sinh thời, cha mẹ ông tên là ông Võ Văn G (Võ Văn P) và mẹ là Trần Thị V, cha mẹ có 7 người con chung bao gồm: Võ Thị R sinh năm 1934, Võ Văn Z sinh năm 1936 (chết), Võ Thị P sinh năm 1939 (chết), Võ Văn C sinh năm 1943 (chết), Võ Thị Y sinh năm 1945 và Võ Văn O sinh năm 1952, ngoài ra không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Nguồn gốc phần đất tranh chấp như nguyên đơn trình bày ở trên do ông bà tổ tiên để lại cho cha mẹ ông với tổng diện tích khoảng 21.000m^2 hiện nay do ông đứng tên tại thửa 521 và chị ruột ông là bà

Võ Thị Y đứng tên thửa 833, 876, còn thửa 520 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 04 căn nhà trong đó 01 căn nhà của ông, 01 căn nhà của bà Y và 02 căn nhà của con ông đang sinh sống. Đến năm 1979, cha ông phân chia đất cho các anh chị em.

Bà Võ Thị Y một nền nhà ở nằm sát bên nhà và một lô đất trống vị trí nằm sát ngã ba hai đường đất hướng xuống ruộng và hướng lên (nay là đường và hãng cá hộp) và 2.000m^2 đất 2 lúa thuộc tờ bản đồ số 1 và 5.000m^2 đất màu trảng gồm có 03 lô thuộc tờ bản đồ số 5, đây là 03 lô đất hương hỏa thờ cúng chị Võ Thị P và Võ Thị L.

Ông Võ Văn C 01 lô đất kế bên nhà bà Y ở vị trí mặt tiền đường đất (nay là đường vào hãng cá hộp) với chiều rộng 10 và chiều dài là 30m.

Bà Võ Thị R chiều rộng 10m x chiều dài 30m kế đất ông C cũng mặt tiền đường đất (nay là đường vào xí nghiệp cá hộp).

Còn phần đất các lô đất đã chia nay là thửa 521 và 01 lô đất ruộng 2 lúa có thửa 229 và 256 và phần đất ở có căn nhà nằm trong thửa 520 là phần thừa hưởng của ông.

Đến năm 1986, cha ông kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ở điểm đăng ký ấp. Năm 1995 Nhà nước yêu cầu đăng ký lại, gia đình có yêu cầu ông Võ Văn C về đăng ký kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C không về và bà Võ Thị R có chồng ở xa. Ông và bà Y đăng ký quyền sử dụng đất phần đất mà ông C được cha phân chia.

Đến năm 2001, ông C chết, Võ Hoàng I là con ruột của ông C có nhận đất của ông C canh tác trồng chanh.

Đến năm 2006, bà Võ Thị R về xin lại phần đất của cha ông để lại và đã dựng một căn nhà ngói sát với hai ngôi mộ của ông bà chủ đất ngày xưa và ngôi mộ của ông Võ Văn C.

Đến năm 2008, Võ Thị Trúc M và Võ Thị Trúc A yêu cầu tách thửa phần đất diện tích 5.000m^2, loại đất 2 lúa thuộc tờ bản đồ số 1 thì gia đình ý tách cho các nguyên đơn 3.000m^2. Sau khi đo vẽ xong, gia đình yêu cầu Võ Hoàng I, Võ Thị Trúc M, Võ Thị Trúc A vào để phân ranh lô đất màu vườn để ra bản vẽ và được sự chấp thuận của ông và bà Y theo Quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện C. Ông, bà Y, dẫn các nguyễn đơn ra chỉ ranh là phần đất giữa bà Y và ông Võ Văn C mà cha ông đã chia cho ông C, ông chỉ ranh nhưng Trúc A và Trúc M không chịu ranh theo ông chỉ nên bỏ về.

Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông chỉ đồng ý chia diện tích 3.000m^2 tại các thửa đất khác theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 giữa nguyên đơn Võ Thị Trúc A, Võ Hoàng I với bị đơn bà Võ Thị Y; Đồng ý cho một phần diện tích đất 450m^2 tại thửa 521 cặp mí tường nhà bà Võ Thị R với chiều ngang 15m x 30m. Ngoài ra, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện khác của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Võ Thị Y trình bày thống nhất với nội dung trình bày của ông Võ Văn O và không bổ sung gì thêm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc U, bà Nguyễn Thị I, bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị X, ông Võ Tấn C, ông Võ Thành Lợi, ông Võ Thanh Đ, ông Võ Hồng K, bà Võ Thị Thảo Y, bà Võ Thị Thanh Kiều, bà Võ Thị Thắm thống nhất với lời trình bày của các bị đơn và không bổ sung gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S là ông Man Đức V thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ theo bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH TVXD-DV đo đạc và bản đồ X lập thì diện tích trong giấy chứng nhận là 5.822, thửa đất số 521, tờ bản đồ 05, nhưng diện tích thực tế sau khi tiến hành đo vẽ 5.577,8m^2 (giảm 244,2m^2) là do ảnh hưởng của việc mở rộng đường giao thông; Diện tích theo giấy chứng nhận là 1.110m^2 thửa 833, tờ bản đồ số 03, nhưng diện tích thực tế sau khi tiền hành đo vẽ 1.116,9m^2 (tăng 6.9m^2); phần đất diện tích theo giấy chứng nhận là 845m^2 thửa 876, tờ bản đồ số 5, nhưng diện tích thực tế sau khi tiến hành đo vẽ là 860,4m^2 (tăng 15,4m^2) do sai số giữa hai tài liệu bản đồ.

Hiện trạng phần đất diện tích 2.206m^2 tại thửa 520, tờ bản đồ 05 có 02 căn nhà cấp 4 gồm: 01 căn nhà ngói do ông Võ Văn O xây dựng từ giải phóng năm 1975; một căn nhà một mái do ông Võ Văn O xây dựng cho con là Võ Hoàng P từ năm 2000. Hiện tại phần đất nêu trên thuộc quy hoạch nông thôn mới xã P điểm dân cư số 6 thuộc nhóm đất dân cư hiện hữu và không nằm trong diện quy hoạch giải tỏa bồi thường của Nhà nước. Trường hợp Tòa án giải quyết công nhận cho ông Võ Văn O thì ông O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật. Vì ông O là người có quá trình quản lý, sử dụng.

Tại bản án sơ thẩm số 555/2017/DS-ST ngày 01/11/2017, Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 07/2017/QĐSCBSBA ngày 10/11/2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2018/QĐSCBSBA ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chị Võ Thị Trúc A, chị Võ Thị Trúc M và anh Võ Hoàng I đối với các bị đơn ông Võ Văn O và bà Võ Thị Y về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.455m^2 trong tổng diện tích 5.822m^2 tại thửa 521 do ông O đứng tên; diện tích 488,5m^2 trong tổng diện tích 1.955m^2 tại thửa 833, 876 do bà Y đứng tên; diện tích 551,5m^2 trong tổng diện tích 2.206m^2 tại thửa 520 do ông O quản lý, tờ bản đồ số 5, bộ địa chính xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung tại thửa đất 520, 521, 833 và thửa đất 876 giữa các đồng nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Trúc A, chị Võ Thị Trúc M, anh Võ Hoàng I phải chịu 76.512.500đồng; Khấu trừ 9.356.250đồng tiền tạm ứng án phí chị Anh, chị Mai, và anh Minh đã nộp theo biên lai thu số: 007084, quyển số 01 ngày 20/11/2009 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị A, chị M, anh I còn phải nộp thêm số tiền án phí 67.156.250đồng.

Chi phí chi phí đo đạc, định giá với số tiền 5.000.000đồng chị Võ Thị Trúc A đã nộp công nhận đã chi xong.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Ngày 10/11/2017, Nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A có đơn kháng cáo.

Ngày 01/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-P9 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 555/2017/DSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

- Tòa sơ thẩm chưa thu thập quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ diện tích tranh chấp có được giải quyết hay chưa, làm cơ sở xác định điều kiện khởi kiện của nguyên đơn.
- Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng buộc nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành khoản 7 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần thiết phải kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 555/2017/DSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút kháng nghị.

Nguyên đơn bà Võ Thị Trúc M, ông Võ Hoàng I và bà Võ Thị Trúc A do ông Man Đức V đại diện kháng cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm thu tục tố tụng nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án nên yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 555/2017/DSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Nhận định tài sản của ông G - bà V để lại nhưng không chia thừa kế.

- Bác khởi kiện nhưng tuyên nguyên đơn phải chịu án phí là không đúng.

- Xác định quan hệ thừa kế nhưng nhận định áp dụng pháp luật về quyền sử dụng đất là sai.

- Định giá đã lâu nhưng không cho định giá lại.

Bị đơn bà Võ Thị Y do ông Nguyễn Văn B đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Văn O yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Ngọc U do ông Nguyễn Văn B đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I, bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị X, ông Võ Tấn C, ông Võ Thanh H, ông Võ Thanh Đ, ông Võ Hồng K, bà Võ Thị Thảo Y, bà Võ Thị Thanh Kiều và bà Võ Thị Thắm do ông Võ Văn O đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S do ông Man Đức V đại diện cùng có yêu cầu như nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là hủy bản án dân sự sơ thẩm số 555/2017/DSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Trúc A làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A do ông Man Đức V đại diện theo ủy quyền, kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Võ Văn G (ông Võ Văn P) và bà Trần Thị V sinh được 7 người con: bà Võ Thị R sinh năm 1934, ông Võ Văn Z sinh năm 1936 (chết không vợ con), bà Võ Thị P sinh năm 1939 (chết không chồng con), ông Võ Văn C sinh năm 1943 (chết có vợ là bà Võ Thị S và ba con là ông Võ Hoàng I sinh năm 1979, bà Võ Thị Trúc M sinh năm 1981 và bà Võ Thị Trúc A sinh năm 1983), bà Võ Thị Y sinh năm 1945, bà Võ Thị L sinh năm 1948 (chết không chồng con) và ông Võ Văn O sinh năm 1952.

Theo đại diện của nguyên đơn và bị đơn trình bày lúc sinh thời ông G và bà V có tạo lập được diện tích 21.000m^2 đất tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông G chết năm 1987, bà V chết năm 1982, cả hai đều không để lại di chúc tính đến thời điểm hiện nay theo Bộ Luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu về chia di sản thừa kế của ông G và bà V vẫn còn. Do đó, nguyên đơn ông Võ Hoàng I, bà Võ Thị Trúc M và bà Võ Thị Trúc A do ông Man Đức V đại diện cho rằng hiện nay phần đất của ông G và bà V để lại do ông O đang quản lý thửa 520 thuộc tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là 2.206m^2 đất (chưa được cấp quyền sử dụng đất) và thửa 521 tờ bản đồ số 5 tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích là 5.822m^2 đất (ông O đã được Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1200 ngày 30/5/2000) và phần diện tích 1.110m^2 đất tại thửa 833 tờ bản đồ số 5 và diện tích 845m^2 đất tại thửa 876 tờ bản đồ số 5 cùng tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện Chủ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Y đã được Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0962 ngày 25/9/1999).

Tổng cộng diện tích của ông O và bà Y đang quản lý sử dụng là 9.983m^2 đất yêu cầu chia đều làm 4 phần theo pháp luật thừa kế.

Phía ông O và bà Y cho rằng trong quá trình sử dụng đất ông G và bà V đã phân chia diện tích đất cho các con. Riêng đối với trường hợp của ông Võ Văn C là cha của các nguyên đơn là người đi tham gia cách mạng từ lúc 16 tuổi đến năm 1975 trở về lập gia đình và ở riêng nên không ở cùng với cha mẹ nhưng cha là ông G cũng đã phân chia diện tích đất cho ông C. Đến năm 1986, Nhà nước yêu cầu đăng ký ruộng đất các bị đơn đến ấp để đăng ký. Đến năm 1995, Nhà nước yêu cầu đăng ký lại và có thông báo cho ông C biết nhưng ông C không về đăng ký nên ông O và bà Y đăng ký đứng tên, còn thửa 520 do bà Võ Thị R ở xa không phân định ranh giới được nên không đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông O vẫn quản lý sử dụng.

Năm 2001, ông C chết, ông Võ Hoàng I là con của ông C có nhận đất của ông C canh tác trồng chanh. Năm 2006, bà Võ Thị R về xin lại phần đất của cha ông để lại và đã dựng một căn nhà ngói sát với hai ngôi mộ của ông bà chủ đất ngày xưa và ngôi mộ của ông Võ Văn C. Năm 2008, bà Võ Thị Trúc M và bà Võ Thị Trúc A yêu cầu tách thửa phần diện tích 5.000m^2 đất, loại đất 2 lúa thuộc tờ bản đồ số 1 thì gia đình đồng ý cho các nguyên đơn bà M và bà A

3.000m^2 đất. Sau khi đo vẽ xong thì gia đình yêu cầu ông Võ Hoàng I, bà Võ Thị Trúc M, bà Võ Thị Trúc A vào để phân ranh lô đất màu vườn, để ra bản vẽ và được chấp thuận của ông O và bà Y theo Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông O và bà Y dẫn các nguyên đơn ra chỉ ranh là phần đất giữa bà Y và ông Ca mà cha của ông đã chia cho ông C, ông chỉ ranh nhưng bà Trúc M, bà Trúc A không chịu tranh theo ông chỉ nên bỏ về. Nay ông O và bà Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, tại các bản tự khai của ông Võ Văn O ngày 21/02/2009, bản tự khai của bà Võ Thị Y cùng ngày 21/02/2009 và các biên bản làm việc khác tại tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Võ Văn O và bà Võ Thị Y đều thừa nhận cha là ông Võ Văn G (Võ Văn P) và mẹ là bà Trần Thị V đã thực hiện việc phân chia toàn bộ diện tích đất đai do ông bà tạo lập cho các con vào năm 1979.

Đến năm 1995, Nhà nước có chủ trương kê khai đăng ký đất, ông Võ Văn O và bà Y đã kêu ông C về đăng ký do trước đó ông C đi tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi đến năm 1975 về lập gia đình và ở riêng nhưng ông C phớt lờ và từ chối việc đăng ký kê khai đất. Do đó, bị đơn bà Võ Thị Y và ông Võ Văn O đã thực hiện việc đăng ký kê khai đất theo quy định của pháp luật.

Do vậy, phần diện tích đất 1.110m^2 đất thuộc thửa 833 và phần diện tích 845m^2 đất thuộc thửa 876 cùng thuộc tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0962 cho bà Võ Thị Y ngày 29/5/1999.

Phần diện tích 5.822m^2 đất tại thửa 521 tờ bản đồ số 5 tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1200 cho ông Võ Văn O ngày 30/5/2000.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y và ông O đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân ngay thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y và ông O thì ông C còn sống cũng không có ý kiến và khiếu nại gì.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Võ Văn O và bà Võ Thị Y là do ông bà có quá trình sử dụng đất lâu dài được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần diện tích 2.206m^2 đất tại thửa 520 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do ông O quản lý sử dụng. Vào năm 1975 ông O cất một căn nhà ở cho đến nay và năm 2000 cất thêm 1 căn nhà cho con trai là Võ Hoàng P nhưng ông C vẫn không phản đối.

Hiện nay, trên diện tích đất này có tổng cộng 04 căn nhà: một căn nhà do ông O sử dụng, hai căn nhà do con ông O sử dụng và một căn nhà do gia đình bà Võ Thị Y đang sử dụng.

Quá trình sử dụng đất các bị đơn đã sử dụng ổn định từ khi cha mẹ còn sống cho đến nay. Đồng thời, đã đăng ký kê khai nhà đất theo quy định của pháp luật và hàng năm đều thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước.

Hơn nữa, tại Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 297,298) đã thể hiện các nguyên đơn và bị đơn đã có sự thỏa thuận phân chia diện tích đất được pháp luật công nhận. Nay các nguyên đơn ông Võ Hoàng I, bà Võ Thị Trúc M và bà Võ Thị Trúc A yêu cầu bà Võ Thị Y, ông Võ Văn O tiếp tục chia thừa kế đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng của ông O và bà Y là không có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm xử là có căn cứ nên giữ nguyên phần này.

Xét kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Đối với việc, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng Tòa sơ thẩm chưa thu thập Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ diện tích tranh chấp có được giải quyết hay chưa để làm cơ sở xác định điều kiện khởi kiện của nguyên đơn. Kháng nghị phần này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chưa chính xác. Bởi lẽ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2010/QĐST-DS ngày 08/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ tại bút lục số 297, 298.

- Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế tài sản, nhưng buộc nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lẽ ra phải căn cứ theo Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 7 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí Tòa án cụ thể là nguyên đơn không phải chịu án phí.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải hủy án như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mà chỉ sửa một phần về án phí dân sự sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A.

Án phi dân sự sở thẩm do sửa án nên đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A.

Sửa án về phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Võ Thị Trúc A, bà Võ Thị Trúc M và ông Võ Hoàng I đối với các bị đơn ông Võ Văn O và bà Võ Thị Y về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.455m^2 trong tổng diện tích 5.822m^2 tại thửa 521 do ông O đứng tên; diện tích 488,5m^2 trong tổng diện tích 1.955m^2 tại thửa 833, 876 do bà Y đứng tên; diện tích 551,5m^2 trong tổng diện tích 2.206m^2 tại thửa 520 do ông O quản lý, tờ bản đồ số 5, bộ địa chính xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung tại thửa đất 520, 521, 833 và thửa đất 876 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đồng nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Trúc A, bà Võ Thị Trúc M, ông Võ Hoàng I 9.356.250 đồng theo biên lai thu số 007084 quyển số 01 ngày 20/11/2009 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí đo đạc, định giá với số tiền 5.000.000 đồng bà Võ Thị Trúc A đã nộp, công nhận đã chi xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Võ Thị Trúc A số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007666 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu (T/16).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuyết Mai